TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2025/DS-PT
Ngày: 20-3-2025
V/v tranh chấp: "*Chia di sản thừa kế*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu; Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Đỉnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp: "*Chia di sản thừa kế*".

Do, Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2024/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 395/2024/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1942; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

1.2. Bà Lê Xuân E, sinh năm 1954; địa chỉ: Số C, tổ A, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N và bà Lê Xuân E: Bà Lê Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 19/11/2007)

1.3. Bà Lê Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Số C, tổ A, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang

1.4. Bà Lê Thanh X, sinh năm 1950 (chết ngày 19/3/2008)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X:

- Ông Mai Văn C, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang

- Bà Mai Thị Bích H, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- Ông Mai Văn H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang

- Bà Mai Thị Thảo S, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre

- Bà Mai Thị Kham L, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S và bà Mai Thị Kham L: Bà Lê Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 14/5/2008 và ngày 12/11/2012)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Phước C1, sinh năm 1956; địa chỉ: Số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Ông Lê Hữu N1, sinh năm 1941 (chết ngày 15/12/2006)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1:

2.2.1. Bà Bùi Thị R, sinh năm 1945

2.2.2. Bà Lê Thị Hồng T1, sinh năm 1969

2.2.3. Bà Lê Thị Hồng H2, sinh năm 1971

2.2.4. Ông Lê Đức N2, sinh năm 1973

2.2.5. Bà Lê Thị Kim Y, sinh năm 1975

2.2.6. Bà Lê Thị Kim Y1, sinh năm 1979

2.2.7. Bà Lê Kim K, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ hiện nay: Tổ G, ấp I, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

2.2.8. Bà Lê Hiền T2, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2: Ông Lê Đức N2, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2008 và ngày 14/9/2015)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn R1, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang

3.2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang

3.3. Bà Phan Thị M, sinh năm 1958 (chết ngày 09/3/2019)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phan Thị M:

3.3.1. Ông Lê Phước C1, sinh năm 1956

3.3.2. Bà Lê Thị Kim X1, sinh năm 1978

3.3.3. Bà Lê Thị Kim T3, sinh năm 1981

3.3.4. Ông Lê Phước T4, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

3.4. Bà Lê Thị Kim X1, sinh năm 1978

3.5. Bà Lê Thị Kim T3, sinh năm 1981

3.6. Ông Lê Phước T4, sinh năm 1984

3.7. Bà Nguyễn Thị Cẩm N3, sinh năm 1987

3.8. Cháu Lê Cẩm T5, sinh năm 2013

3.9. Cháu Lê Quan T6, sinh năm 2015

Cùng địa chỉ: Số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

+ Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Cẩm T5 và cháu Lê Quan T6: Ông Lê Phước T4, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Cẩm N3, sinh năm 1987; địa chỉ: Số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (cha, mẹ ruột).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E, bà Lê Thị T, bà Mai Thị Kham L là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Lê Thanh X; Bị đơn ông Lê Phước C1, ông Lê Đức N2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1.

Bà Lê Thị T, bà Lê Xuân E, bà Mai Thị Kham L, ông Lê Phước C1, ông Lê Đức N2 có mặt, các đương sự còn lại đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:* Cụ Lê Văn X2 (chết ngày 03/10/1985) và cụ Mai Thị M1 (chết ngày 11/8/2004) không có để lại di chúc. Cụ X2 và cụ M1 có 06 người con gồm: Bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E, bà Lê Thị T, bà Lê Thanh X, ông Lê Phước C1, ông Lê Hữu N1. Di sản của cụ X2 và cụ M1 để lại là 01 (một) căn nhà, 02 (hai) ly văng, 01 (một) tủ áo, 01 (một) bộ lư đồng, 01 (một) máy Kole, 01 (một) tủ thờ, diện tích đất khoảng 6.665,6m^2 tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang và các cây trồng trên đất. Đối với căn nhà, 02 (hai) ly văng, 01 (một) tủ áo, 01 (một) bộ lư đồng, 01 (một) máy Kole, 01 (một) tủ thờ hiện nay do ông Lê Phước C1 quản lý, sử dụng; đối với diện tích đất 6.665,6m^2 và các cây trồng trên đất không có người quản lý, sử dụng.

Khi cụ Mai Thị M1 còn sống đã tặng cho bà Lê Thị T diện tích đất 1.205m^2, thửa số 245, 246, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Hữu N1. Việc tặng cho không có lập văn bản. Sau đó, bà T quản lý, sử dụng phần diện tích 1.205m^2, thửa số 245, 246, tờ bản đồ số 01 từ khi cha mẹ tặng cho đến năm 2010 thì ông Lê Hữu N1 lấy phần diện tích đất 1.205m^2, thửa số 245, 246, tờ bản đồ số 01 không cho bà T quản lý, sử dụng.

Nay, bà Lê Thị T yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với các di sản của cụ X2 và cụ M1 để lại, cụ thể như sau:

- 01 (một) căn nhà khung và sườn bằng gỗ thao lao, mái lợp ngói, nền lót ván (ngang 5,3m x dài 15m) tọa lạc tại số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

- 02 (hai) ly văng bằng cẩm, bênh (ngang 2m x dài 2,2m);

- 01 (một) tủ áo gỗ bằng thao lao (ngang 1,5m x cao 2m x rộng 0,7m);

- 01 (một) bộ lư đồng loại 01;

- 01 (một) máy Kole 04;

- 01 (một) tủ thờ bằng thao lao;

- Diện tích đất khoảng 6.665,6m^2 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2. Trong đó, gồm các phần diện tích đất cụ thể sau:

+ Phần đất do ông Lê Phước C1 đang quản lý, sử dụng gồm:

Phần diện tích 1.402,6m^2 được thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 6, 12, 13 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023.

Phần diện tích 2.026,7m^2 được thể hiện tại các điểm 5, 7, 11, 12 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023.

+ Phần diện tích đất do người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 đang quản lý, sử dụng là 3.236,3m^2 được thể hiện tại các điểm 7, 8, 9, 10, 11 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023.

- Yêu cầu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 trả cho bà Lê Thị T tiền thất thu không làm trên diện tích đất 1.205m^2, thửa số 245, 246, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Hữu N1 từ năm 2010 đến năm 2016 là 07 năm với số tiền 21.000.000 đồng.

Đồng thời, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

00426QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Hữu N1.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00321QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Mai Thị M1.

- Quyết định số 03/QĐ.UB ngày 06/01/1998 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Lê Thị T xin rút lại các yêu cầu khởi kiện sau:

- Yêu cầu ông Lê Phước C1 trả số tiền 21.000.000 đồng tiền thất thu không làm trên đất tranh chấp.

- Yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của cụ Mai Thị M1 để lại là 100 (một trăm) cây bạch đàn, giá trị mỗi cây là 300.000 đồng/cây, tổng giá trị tài sản là 30.000.000 đồng, yêu cầu được hưởng một kỷ phần tương đương số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Yêu cầu chia thừa kế đối với các cây trồng trên đất phần diện tích 6.665,6m^2;

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04296/rB, ngày 06/6/2003 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Văn R1.

** Nguyên đơn bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S, bà Mai Thị Kham L do bà Lê Thị T đại diện trình bày:* Xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

** Bị đơn ông Lê Phước C1 trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian cụ X2 và cụ M1 chết, hàng thừa kế thứ nhất của cụ X2 và cụ M1 cũng như tài sản của cụ X2 và cụ M1 tạo lập trước khi chết. Cụ X2 và cụ M1 chết không có để lại di chúc. Hiện nay, ông C1 đang quản lý 01 (một) căn nhà, 02 (hai) ly văng, 01 (một) tủ áo, 01 (một) bộ lư đồng, 01 (một) máy Kole, 01 (một) tủ thờ, diện tích đất khoảng 3.429,3m^2 (gồm 1.402,6m^2 được thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 6, 12, 13 và diện tích 2.026,7m^2 được thể hiện tại các điểm 5, 7, 11, 12 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023) cùng các cây trồng trên đất. Trong phần diện tích 3.429,3m^2 được chia làm hai phần, phần diện tích đất 1.587m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00321QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Mai Thị M1 thuộc thửa số 242, 243, 244, tờ bản đồ số 01; còn lại diện tích 1.842,3m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cụ M1 còn sống đã tặng cho các tài sản này ông C1 theo "Tờ ủy quyền ngày 14/5/2002", "Tờ quỷ quyền đất lại cho con ngày 22/6/2003" và "Tờ tường trình ngày 24/11/1999". Do đó, ông C1 không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ chứng minh cho lời trình bày:

- Tờ ủy quyền ngày 14/5/2002;

- Tờ quỷ quyền đất lại cho con ngày 22/6/2003;

- Tờ tường trình ngày 24/11/1999.

** Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Hữu N1 do ông Lê Đức N2 đại diện trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian cụ X2 và cụ M1 chết, hàng thừa kế thứ nhất của cụ X2 và cụ M1 cũng như tài sản của cụ X2 và cụ M1 tạo lập trước khi chết. Cụ X2 và cụ M1 chết không có để lại di chúc. Hiện nay, ông N2 đang quản lý diện tích đất 3.236,3m^2 được thể hiện tại các điểm 7, 8, 9, 10, 11 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023 cùng các cây trồng trên đất. Khi cụ M1 còn sống đã tặng cho lại cho ông Lê Hữu N1 phần diện tích này, việc tặng cho không có lập văn bản. Sau đó, ông N1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Hữu N1 đối với diện tích đất 1.205m^2, thửa số 245, 246, tờ bản đồ số 01; phần diện tích còn lại 2.031,3m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Hữu N1 không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ chứng minh cho lời trình bày:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê Hữu N1;

- Biên bản về việc giải quyết tranh chấp đất giữa cụ Mai Thị M1 và ông Lê Hữu N1 ngày 14/3/2003;

- Biên bản về việc xác định ranh giới và diện tích đất của ông Lê Hữu N1 và cụ Mai Thị M1 ngày 20/3/2003.

Tại Công văn số 1522/UBND-NC ngày 10/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C (BL: 377) thể hiện: Trong phần diện tích đất mà các đương sự đang tranh chấp, đối với những diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu người sử dụng đất có đầy đủ các giấy tờ được quy định tại Điều 100 hoặc không có giấy tờ nhưng thỏa một trong các quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác định là đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp thì sẽ được xem xét để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, tại Công văn số 312/PTNMT-ĐĐ ngày 30/12/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (BL: 390) và Công văn số 615/UBND ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện C (BL: 744) xác định: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Hữu N1 đối với diện tích đất 1.205m^2, thửa số 245, 246, tờ bản đồ số 01 là đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang

cấp cho ông Lê Hữu N1 thì Ủy ban nhân dân huyện C không có ý kiến, đồng thời, xin vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Các đương sự khác vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, đã quyết định:

[1] Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T gồm:

- Yêu cầu ông Lê Phước C1 trả số tiền 21.000.000 (hai mươi mốt triệu) đồng tiền thất thu không làm trên đất tranh chấp.

- Yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của cụ Mai Thị M1 để lại là 100 (một trăm) cây bạch đàn, giá trị mỗi cây là 300.000 đồng/cây, tổng giá trị tài sản là 30.000.000 đồng, yêu cầu được hưởng một kỷ phần tương đương số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Yêu cầu chia thừa kế đối với các cây trồng trên đất phần diện tích 6.665,6m^2.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04296/rB, ngày 06/6/2003 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Văn R1.

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S, bà Mai Thị Kham L.

[3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với yêu cầu buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền 21.000.000 (hai mươi mốt triệu) đồng.

[4] Chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị T. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Hữu N1 đối với diện tích đất 1.205m^2, thửa số 245, 246, tờ bản đồ số 01.

[5] Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Lê Thị T đối với di sản của cụ Lê Văn X2 và cụ Mai Thị M1. Phân chia thừa kế như sau:

[5.1] Xác định căn nhà có diện tích 51,5m^2 tọa lạc tại số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và được thể hiện tại các điểm M2, M3, M6, M7 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/10/2023 của Công ty TNHH D cùng các tài sản trong nhà gồm 02 (hai) ly văng, 01 (một) tủ áo, 01 (một) bộ lư đồng, 01 (một) máy Kole, 01 (một) tủ thờ là di sản của cụ Lê Văn X2 và cụ Mai Thị M1 để lại.

[5.2] Xác định quyền sử dụng đất có diện tích 6.665,6m^2 tọa lạc ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang và được thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 6, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2 là di sản của cụ Lê Văn X2 và cụ Mai Thị M1 để lại.

[5.3] Những người được hưởng di sản thừa kế và giá trị 01 (một) kỷ phần được hưởng:

[5.3.1] Bà Lê Thị N được hưởng 01 (một) kỷ phần, có giá trị là 75.949.600 (bảy mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm) đồng;

[5.3.2] Bà Lê Xuân E được hưởng 01 (một) kỷ phần, có giá trị là 75.949.600 (bảy mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm) đồng;

[5.3.3] Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S và bà Mai Thị Kham L được hưởng 01 (một) kỷ phần, có giá trị là 75.949.600 (bảy mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm) đồng;

[5.3.4] Bà Lê Thị T được hưởng 01 (một) kỷ phần, có giá trị là 75.949.600 (bảy mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm) đồng;

[5.3.5] Ông Lê Phước C1 được hưởng 01 (một) kỷ phần, có giá trị là 75.949.600 (bảy mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm) đồng;

[5.3.6] Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 được hưởng 01 (một) kỷ phần, có giá trị là 75.949.600 (bảy mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm) đồng.

[5.4] Công nhận cho ông Lê Phước C1 được quyền sở hữu 01 (một) căn nhà có diện tích 51,5m2, có kết cấu khung gỗ và sườn gỗ thao lao nhóm III, mái lợp ngói, đòn tay gỗ nhóm III, vách ván tạp, đố gỗ tạp, sàn gỗ nhóm III, sàn lót ván, trụ đá; tọa lạc tại số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và được thể hiện tại các điểm M2, M3, M6, M7 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/10/2023 của Công ty TNHH D cùng các tài sản trong nhà gồm 02 (hai) ly văng, 01 (một) tủ áo, 01 (một) bộ lư đồng, 01 (một) máy Kole, 01 (một) tủ thờ. Ông Lê Phước C1 có nghĩa vụ hoàn lại cho các thừa kế khác, cụ thể:

[5.4.1] H3 lại cho bà Lê Thị N số tiền 13.947.000 (mười ba triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng;

[5.4.2] H3 lại cho bà Lê Xuân E số tiền 13.947.000 (mười ba triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng;

[5.4.3] H3 lại cho bà Lê Thị T số tiền 13.947.000 (mười ba triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng;

[5.4.4] H3 lại cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S và bà Mai Thị Kham L số tiền 13.947.000 (mười ba triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng;

[5.4.5] H3 lại cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà

Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 số tiền 13.947.000 (mười ba triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng.

[5.5] Công nhận cho bà Lê Thị T được quyền sử dụng đất có diện tích 3.429,3m2 được thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 6, 5, 7, 11, 12, 13 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2. Bà Lê Thị T có nghĩa vụ nộp số tiền 117.393.400 (một trăm mười bảy triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm) đồng để hoàn trả cho các thừa kế khác, cụ thể:

[5.5.1] Hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền 29.348.000 (hai mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn) đồng;

[5.5.2] Hoàn trả cho bà Lê Xuân E số tiền 29.348.000 (hai mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn) đồng;

[5.5.3] Hoàn trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S và bà Mai Thị K1 La 29.348.000 (hai mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn) đồng;

[5.5.4] Hoàn trả cho ông Lê Phước C1 số tiền 29.348.000 (hai mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

[5.6] Công nhận cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 được quyền sử dụng đất có diện tích 3.236,3m^2 được thể hiện tại các điểm 7, 8, 9, 10, 11 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2. Những người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 có nghĩa vụ nộp số tiền 133.416.400 (một trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bốn trăm) đồng để hoàn trả cho các thừa kế khác, cụ thể:

[5.6.1] Hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền 33.354.000 (ba mươi ba triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn) đồng;

[5.6.2] Hoàn trả cho bà Lê Xuân E số tiền 33.354.000 (ba mươi ba triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn) đồng;

[5.6.3] Hoàn trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S và bà Mai Thị K1 La số tiền 33.354.000 (ba mươi ba triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn) đồng;

[5.6.4] Hoàn trả cho ông Lê Phước C1 số tiền 33.354.000 (ba mươi ba triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

[6] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2 và Sơ đồ đo đạc ngày 11/10/2023 của Công ty TNHH D là một phần không tách rời của Bản án.

[8] Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký đất đai theo quy định của Luật Đất đai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 14/5/2024, bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E, bà Lê Thị T, bà Mai Thị Kham L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngày 14/5/2024, ông Lê Phước C1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết được nhận hiện vật là căn nhà gỗ thao lao ngang 6m, dài 11,5m và diện tích đất 3.587 m^2

Ngày 14/5/2024, ông Lê Đức N2 kháng cáo không đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426 QSDĐ/rB ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Hữu N1 đối với diện tích đất 1.205 m^2, thửa đất số 245, 246, tờ bản đồ số 01. Ông Lê Đức N2 yêu cầu được nhận hiện vật là diện tích đất 3.236,3 m^2 được thể hiện tại các điểm 7,8,9,10,11 sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ-Chi nhánh C2. Ông Lê Đức N2 không đồng ý nộp số tiền 133.416.400 đồng để hoàn trả cho các thừa kế khác.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Lê Thị T và là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S; bà Lê Xuân E; bà Mai Thị Kham L và bị đơn ông Lê Phước C1, ông Lê Đức N2 thống nhất không tranh chấp và rút lại không yêu cầu chia các vật dụng gồm: 02 (hai) ly văng, 01 (một) tủ áo, 01 (một) bộ lư đồng, 01 (một) máy Kole, 01 (một) tủ thờ là di sản thừa kế của cụ X2 và cụ M1 do không còn giá trị sử dụng đồng ý để lại cho ông Lê Phước C1 quản lý, sử dụng.

+ Ông Lê Đức N2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Hữu N1 rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

+ Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S do bà Lê Thị T

là người đại diện, bà Lê Xuân E, bà Mai Thị Kham L, ông Lê Đức N2 xác định không yêu cầu chia giá trị của căn nhà khung và sườn bằng gỗ thao lao, mái lợp ngói, nền lót ván tọa lạc tại số Ấ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do ông Lê Phước C1 đang quản lý, sử dụng, các ông bà đồng ý giao kỷ phần này để lại cho ông C1 làm nơi thờ cúng ông bà.

+ Nguyên đơn bà Lê Xuân E giữ một phần yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét chia thừa kế đối với phần đất yêu cầu được nhận bằng hiện vật là đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bà Mai Thị Kham L là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X chỉ đề nghị giải quyết đối với diện tích đất mẹ bà được cho yêu cầu được nhận bằng hiện vật là phần đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bà Lê Thị T và là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N: giữ một phần yêu cầu kháng cáo yêu cầu chia giá trị của 01 (một) căn nhà khung và sườn bằng gỗ thao lao, mái lợp ngói, nền lót ván tọa lạc tại số Ấ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do ông C1 đang quản lý và giải quyết đối với diện tích đất mẹ các bà đã cho, yêu cầu được nhận bằng hiện vật là đất tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bị đơn ông Lê Phước C1 thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo ông xác định đối với tài sản là căn nhà công sức cũng như ông bỏ tiền vào xây dựng nên ông đề nghị được chia 50% giá trị căn nhà còn lại đồng ý chia 50% giá trị hoàn tiền lại cho các đồng thừa kế. Đối với diện tích tại huyện C thì ông yêu cầu được nhận hiện vật là đất và đồng ý hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế, còn phần thừa kế cũng như đối với diện tích đất giao cho gia đình ông N1 thì ông không tranh chấp.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử:

+ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Đức N2;

+ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đối với những vật dụng 02 ly văng, 01 tủ áo, 01 bộ lư đồng, 01 máy Kole, 01 tủ thờ là di sản của cụ X2 và cụ M1 để lại, thống nhất giao cho ông Lê Phước C1 được quản lý, sử dụng; Công nhận sự thỏa thuận của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X do bà Lê Thị T là người đại diện, bà Lê Xuân E, bà Mai Thị Kham L, ông Lê Đức N2 giao giá trị kỷ phần thừa kế các ông bà được nhận đối với căn nhà cho ông Lê Phước C1 nhận;

+ Căn nhà có diện tích diện tích 51,5m^2, tọa lạc tại số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có giá trị 71.783.000 đồng và diện tích đất 6.461,6 m^2 giá trị 358.041.000 đồng, tọa lạc ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang là di sản của cụ Lê Văn X2 và cụ Mai Thị M1 để lại.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T, bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E, bà Mai Thị Kham L, ông Lê Phước C1:

Ông Lê Phước C1 được quản lý, sử dụng 01 căn nhà có diện tích 51,5m^2 và ông C1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản thừa kế giá trị căn nhà cho bà N, bà T mỗi người nhận số tiền 10.254.714 đồng; Bà Lê Thị T quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 3.429,3m^2 và bà T có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế các các đồng thừa kế mỗi kỷ phần số tiền 31.370.333 đồng; Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 được quản lý, sử dụng diện tích đất 3.031,9m^2 và có nghĩa vụ hoàn lại giá trị mỗi kỷ phần số tiền 28.310.667 đồng. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm, không sửa giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị T, bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E, bà Mai Thị Kham L, ông Lê Phước C1, ông Lê Đức N2 làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án

[1.3] Tại phiên tòa:

[1.3.1] Ông Lê Đức N2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Hữu N1 rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, việc rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo đây là sự tự nguyện của đương sự không trái quy định nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Đức N2 theo quy định tại khoản 5 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3.2] Nguyên đơn bà Lê Thị T và là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S; bà Lê Xuân E; bà Mai Thị Kham L và bị đơn ông Lê Phước C1, ông Lê Đức N2 thống nhất không tranh chấp và rút lại không yêu cầu chia các vật dụng.

[1.3.2.1] Đối với những vật dụng 02 (hai) ly văng, 01 (một) tủ áo, 01 (một) bộ lư đồng, 01 (một) máy Kole, 01 (một) tủ thờ thì căn cứ theo biên bản do Hội đồng định giá đã định theo Biên bản định giá ngày 12/9/2022 (Bút lục 653-655) đã thể hiện các vật dụng dụng này không còn giá trị sử dụng trường hợp các

đương sự vẫn có yêu cầu thì đề nghị cơ quan chuyên môn thẩm định giá đối với những đồ dùng này nên cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự xác định hay lựa cho cơ quan chuyên môn thẩm định lại căn cứ vào biên bản định giá mà Hội đồng định giá đã định theo Biên bản định giá ngày 28/9/2015 (Bút lục 351-353) để xác định giá trị các vật dụng này 02 (hai) ly văng có giá là 5.800.000 đồng, 01 (một) tủ áo có giá là 1.500.000 đồng, 01 (một) bộ lư đồng có giá 3.500.000 đồng, 01 (một) máy Kole có giá 100.000 đồng, 01 (một) tủ thờ có giá 1.000.000 đồng là không chính xác. Các vật dụng không còn giá trị sử dụng, phía nguyên đơn không có định giá từ cơ quan chuyên môn thẩm định làm căn cứ để để xác định giá trị.

[1.3.2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất thỏa thuận xác định các vật dụng này không còn giá trị sử dụng và đồng ý giao lại cho ông C1 tiếp tục quản lý, sử dụng không tranh chấp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự để công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[1.3.3] Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S do bà Lê Thị T là người đại diện, bà Lê Xuân E, bà Mai Thị Kham L, ông Lê Đức N2 xác định không yêu cầu chia giá trị của căn nhà khung và sườn bằng gỗ thao lao, mái lợp ngói, nền lót ván tọa lạc tại số Ấ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do ông Lê Phước C1 đang quản lý, sử dụng. Đối với giá trị kỷ phần thừa kế được chia theo quy định pháp luật các ông bà đồng ý giao kỷ phần này để lại cho ông C1 làm nơi thờ cúng ông bà. Đối với nội dung sự thỏa thuận của các các đương sự không trái quy định nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T, bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E, bà Mai Thị Kham L, ông Lê Phước C1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Cụ Lê Văn X2 (chết ngày 03/10/1985) và cụ Mai Thị M1 (chết ngày 11/8/2004) không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ X2 và cụ M1 gồm: Bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E, bà Lê Thị T, bà Lê Thanh X (bà X chết có người kế thừa quyền, nghĩa vụ: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S, bà Mai Thị Kham L), ông Lê Phước C1, ông Lê Hữu N1 (ông Lê Hữu N1 chết có người kế thừa quyền, nghĩa vụ: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2), ngoài ra không có con nuôi hay con riêng.

[2.2] Các đương sự đều thống nhất thống nhất về hàng thừa kế của cụ X2, cụ M1 nguồn gốc đất của cha mẹ ông bà tạo lập, 01 (một) căn nhà (được thể hiện tại các điểm M2, M3, M6, M7 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/10/2023 của Công ty TNHH D), 02 (hai) ly văng, 01 (một) tủ áo, 01 (một) bộ lư đồng, 01 (một) máy Kole, 01 (một) tủ thờ, quyền sử dụng đất có diện tích 6.665,6m^2 (được thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 6, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2); Trong đó: diện tích đất 1.587m^2, thửa số 242, 243, 244 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

00321QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Mai Thị M1, diện tích đất 1.205m^2, thửa số 245, 246, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Hữu N1 và một phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được các đương sự thống nhất, thừa nhận nên cấp sơ thẩm đã xem xét để giải quyết xác định đây là di sản thừa kế của cụ X2 và cụ M1 để lại là phù hợp.

[2.3] Tuy nhiên, đối với căn nhà và các vật dụng trong căn nhà hiện do phía ông C1 là người đang quản lý, sử dụng theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là căn nhà khung và sườn bằng gỗ thao lao, mái lợp ngói, nền lót ván (ngang 5,3m x dài 15m) tọa lạc tại số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nhưng đối với căn nhà này có diện tích diện tích 51,5m^2, tọa lạc tại số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, được thể hiện tại các điểm M2, M3, M6, M7 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/10/2023 của Công ty TNHH D; Bị đơn ông C1 trình bày căn nhà gỗ trước đây tại huyện C được cụ M1 và cụ X2 xây dựng đến năm 1994 đã được tháo dỡ không còn, xác nhà thì khi được ông C1 đưa về huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì ông và vợ là bà M đã mua cây và vật liệu khác để xây dựng, xác nhà cũ chỉ được sử dụng một phần để xây dựng căn nhà như hiện nay. Nguyên đơn xác định đây là căn nhà được xây dựng từ xác nhà cũ của cụ M1 là không phù hợp và chưa xem xét đối với tiền, công sức ông C1 bỏ ra để thực hiện việc xây dựng, bảo quản tôn tạo theo tinh thần Án lệ số 05AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, mà xác định đây là di sản của cụ X2, cụ M1 để buộc ông C1 hoàn lại giá trị cho các đương sự khác theo Biên bản định giá ngày 12/9/2022 (Bút lục 653-655), định giá căn nhà đang tranh chấp có giá trị 71.783.000 đồng là không phù hợp.

[2.3.1] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông C1 xác định đây là di sản của cha mẹ nhưng phải tính công sức bỏ vào của ông là 50% giá trị căn nhà và 50% giá trị căn nhà ông C1 đồng ý chia và hoàn lại cho các đồng thừa kế khác. Bà Xuân E, ông T7, bà Kham L xác định các ông bà không nhận giá trị kỷ phần thừa kế đối với căn nhà mà để lại cho ông C1 làm nơi thờ cúng và cũng không yêu cầu ông C1 phải hoàn lại giá trị.

[2.3.2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông C1 không có yêu cầu tính lại giá trị ông bỏ ra để xây dựng đối với căn nhà nên việc ông C1 yêu cầu tính công sức của ông là 50% là không có cơ sở để xem xét. Hội đồng xét xử phúc thẩm dựa trên tinh thần Án lệ số 05AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính công sức của ông C1 tương đương nhận thêm 1 kỷ phần thừa kế. Vì vậy ông C1 có nghĩa vụ hoàn giá trị lại cho bà N, bà T mỗi người 1 kỷ phần tương ứng số tiền là 10.254.714 đồng. Vì vậy, ông C1 được 1 phần tương đương thêm 1 kỷ phần và phần bà E, ông N2 đại diện những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N1, kỷ phần của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà X giao lại cho ông C1 được nhận trị giá 51.273.571 đồng.

[2.3.3] Vì vậy, ông C1 được nhận toàn bộ di sản thừa kế là 01 (một) căn nhà có diện tích 51,5m^2, có kết cấu khung gỗ và sườn gỗ thao lao nhóm III, mái lợp ngói, đòn tay gỗ nhóm III, vách ván tạp, đố gỗ tạp, sàn gỗ nhóm III, sàn lót ván, trụ đá; căn nhà tọa lạc tại số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp tại các điểm M2, M3, M6, M7 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/10/2023 của Công ty TNHH D, có giá trị giá trị 71.783.000 đồng. Ông Lê Phước C1 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lê Thị N, bà Lê Thị T mỗi người là 10.254.714 đồng.

[2.4] Đối với diện tích đất diện tích 6.665,6m^2 (được thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 6, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2) tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang, các đương sự đều thống nhất đây là di sản của cụ X2 và cụ M1 để lại nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là di sản của cụ X2 và cụ M1 để lại.

[2.4.1] Mặc dù, cụ M1 có các tờ tặng cho con đất bằng các tờ ủy quyền, Tờ quỷ quyền, Tường trình có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng nội dung "Tờ Quỷ quyền đất lại cho con ngày 22/6/2003 (Bút lục 240-244)" của cụ Mai Thị M1 thể hiện: *"Tôi đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00321, diện tích 1.587m^2...tôi quỷ quyền lại cho con trai út tôi là Lê Phước C1 phần đất tôi kể trên được quyền sử dụng, để sau này tôi có bệnh quạn, đau ốm thì nó bán để lo cho tôi, không ai có quyền tranh cản trong phần đất này",* không thể hiện việc cụ Mai Thị M1 tặng cho lại phần đất này cho ông Lê Phước C1 mà chỉ để sử dụng làm chi phí điều trị khi cụ M1 có bệnh.

[2.4.2] Đồng thời, việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Mai Thị M1 với ông Lê Phước C1 theo "Tờ quỷ quyền về việc cho con ruột đăng ký đất ngày 14/5/2002 của cụ Mai Thị M1 (Bút lục 223-235) và theo "Tờ ủy quyền ngày 30/8/2002 của cụ Mai Thị M1 với bà Lê Thanh X, bà Lê Xuân E (Bút lục 236-239) thì các nội dung này chỉ thể hiện diện tích đất, không xác định được cụ M1 cho con được kê khai, quản lý, sử dụng đất ở vị trí cụ thể tại đâu

[2.4.3] Cấp sơ thẩm căn cứ vào Quyết định số 03/QĐ.UB ngày 06/01/1990 của Ủy ban nhân dân huyện C để xác định đối với diện tích đất 1.587m^2, thửa số 242, 243, 244 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00321QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Mai Thị M1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Hữu N1 và diện tích còn lại khoảng 2.031,3m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của cụ X2 và cụ M1 là phù hợp.

[2.4.4] Tuy nhiên, trong phần diện tích đất diện tích 6.665,6m^2 trong đó có diện tích 204,4 m^2 là đất thuộc kênh Đ nhưng cấp sơ thẩm chưa hỏi cơ quan có thẩm quyền đối với diện tích đất 204,4 m^2 nên khi giao cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N1 để buộc hoàn lại giá trị đối với diện tích đất thủy lợi thuộc đất công cộng do địa phương quản lý là chưa phù hợp.

[2.4.5] Căn cứ tại biên bản xác minh ngày 18/3/2025, tại Ủy ban nhân dân xã M cung cấp thông tin thì đối với diện tích diện tích đất 204,4 m^2 thuộc thửa 12, tờ 09 loại đất DTL (kênh Đ) tại các điểm 8,9,41,40 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh C2 lập ngày 30/11/2023 thì đây là kênh thủy lợi do địa phương quản lý. Trong quá trình sử dụng do người dân tự lấn chiếm theo bản đồ địa chính đây là phần đất công do địa phương quản lý và không cấp giấy khi người dân đề nghị xác nhận để làm thủ tục kê khai xin cấp giấy.

[2.4.6] Vì vậy, cấp phúc thẩm xác định phần diện tích đất thuộc di sản thừa kế của cụ X2 và cụ M1 là diện tích 6.461,6 m^2 (trừ 204,4m^2 đất kênh thủy lợi). Trong đó đất Lúa: 2.963,1 m^2 trị giá 148.155.000 đồng và đất CLN diện tích 3.498,1 m^2 trị giá 209.886.000 đồng tọa lạc ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang và được thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 6, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2 là di sản của cụ Lê Văn X2 và cụ Mai Thị M1 để lại, tổng giá trị thành tiền 358.041.000 đồng.

[2.5] Đối với diện tích đất 6.461,6 m^2 tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang các đương sự đều có ý kiến thống nhất chia làm 6 phần bằng nhau, các đương sự đều yêu cầu được nhận hiện vật không đồng ý nhận giá trị. Hội đồng xét xử nhận thấy diện tích đất các đương sự đang yêu cầu chia di sản thừa kế phần lớn là đất nông nghiệp việc chia đất thành các phần bằng nhau là không thuận tiện trong việc lối đi vào vị trí đất phía trong và khi chia nhỏ khu đất ra không mang lại hiệu quả trong canh tác đất nông nghiệp. Chính vì vậy cấp sơ thẩm chia diện tích đất thành 02 phần giao cho bà T nhận 01 phần và phía gia đình ông N1 nhận 01 phần là phù hợp.

[2.5.1] Diện tích 3.031,9 m^2 do ông Lê Hữu N1 quản lý, sử dụng từ trước và sau khi ông N1 chết thì gia đình ông N1 tiếp tục quản lý, sử dụng ngoài ra, trên đất còn có căn nhà và mộ của ông Lê Hữu N1 nên cấp sơ thẩm giao phần diện tích đất này cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N1 được nhận di sản bằng hiện vật và sẽ có nghĩa vụ hoàn trả giá trị bằng tiền lại đối với kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

[2.5.2] Đối với diện tích 3.429,3m^2 hiện nay đang bỏ trống, trước đây ông Lê Phước C1 có sử dụng canh tác nhưng kể từ khi phát sinh tranh chấp khoảng năm 2009 đã bỏ trống đến nay. Ông C1 yêu cầu giao cho ông quản lý, sử dụng, ông C1 sẽ hoàn giá trị lại cho các thừa kế khác. Hiện nay, ông C1 cư trú tại khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cũng như ông C1 thừa nhận tại phiên tòa ông cũng được cha mẹ cho hưởng phần đất tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên cấp sơ thẩm giao phần đất này cho bà T được nhận di sản bằng hiện vật và sẽ có nghĩa vụ hoàn trả giá trị bằng tiền đối với kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

[2.5.3] Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất với giá tại Biên bản định giá ngày 21/8/2018 (Bút lục 358-360), đất lúa có giá 50.000 đồng/m^2 và đất CLN có giá 60.000 đồng/m^2 không yêu cầu định giá lại

[2.5.4] Do đó, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên cung cấp để giải quyết chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giao cho người nhận di sản bằng hiện vật là đất đối với bà T, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N1 là phù hợp theo quy định.

[2.5.5] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cách chia kỷ phần và xác định giá trị kỷ phần cũng như về nghĩa vụ hoàn trả giá trị bằng tiền cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ X2 và cụ M1 đối với diện tích đất 6.461,6 m^2 toạ lạc tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang, cụ thể:

- Phần di sản bằng hiện vật là đất mà bà Lê Thị T được hưởng là quyền sử dụng đất có diện tích 3.429,3m^2 tại các điểm 1,2,3,6,12,13 với tổng giá trị là 188.222.000 đồng (trong đó diện tích đất lúa là 1.758,1 m^2 trị giá 87.905.000 đồng và đất LnK diện tích 1671,2 m^2 trị giá 100.272.000 đồng) nên bà Lê Thị T có nghĩa vụ nộp lại số tiền là 156.851.667 đồng (giá trị đất bà T nhận 188.222.000 đồng – kỷ phần bà T nhận trị giá 31.370.333 đồng) để hoàn lại cho các thừa kế khác gồm: Bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X, ông Lê Phước C1, những người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2, giá trị mỗi kỷ phần là 31.370.333 đồng.

- Phần di sản bằng hiện vật mà những người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1, gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 được hưởng là quyền sử dụng đất có diện tích 3.031,9 m^2 được thể hiện tại các điểm 7, 40, 41, 10, 11 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2 và trên diện tích đất có 01 căn nhà các đương sự thống nhất của gia đình ông N1 xây dựng không có tranh chấp có diện tích 57,8m^2 tại các điểm 22,23,24,25, tích đất theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 16/11/2015 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2, tỉnh An Giang với tổng giá trị là 169.864.000 đồng (trong đó diện tích đất lúa là 1.205 m^2 trị giá 60.250.000 đồng và đất LnK diện tích 1826,9 m^2 trị giá 109.614.000 đồng) nên có nghĩa vụ nộp lại số tiền là 141.553.333 đồng (giá trị đất người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N1 được nhận 169.864.667 đồng – kỷ phần được nhận trị giá 28.310.667 đồng) để hoàn lại cho các thừa kế khác gồm: Bà Lê Thị N, bà Lê Thị T, bà Lê Xuân E, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X, ông Lê Phước C1 giá trị mỗi kỷ phần là 28.310.667 đồng

[3] Tổng cộng giá trị di sản của cụ Lê Văn X2 và cụ Mai Thị M1 để lại căn nhà có diện tích 51,5m^2, tọa lạc tại số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, được thể hiện tại các điểm M2, M3, M6, M7 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/10/2023 của Công ty TNHH D, có giá trị 71.783.000 đồng và diện tích 6.461,6 m^2 (trừ 204,4m^2 đất thủy lợi). Trong đó: đất Lúa: 2.963,1 m^2 trị giá 148.155.000 đồng và đất CLN diện tích 3.498,1 m^2 trị giá 209.886.000 đồng tọa lạc ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang được thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 6, 5, 7, 8, 9, 10, 11,

12, 13 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ - Chi nhánh C2 giá trị 358.041.000 đồng, cụ thể:

[3.1] Bà Lê Thị N được hưởng di sản thừa kế, có giá trị là 69.928.214 đồng (Kỷ phần là căn nhà tại huyện T Đồng Tháp nhận 01 kỷ phần trị giá 10.254.714 đồng cộng với 1 kỷ phần đối với đất tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang là 59.673.500 đồng);

[3.2] Bà Lê Thị T được hưởng di sản thừa kế, có giá trị là 69.928.214 đồng (Kỷ phần là căn nhà tại huyện T Đồng Tháp nhận 01 kỷ phần trị giá 10.254.714 đồng cộng với 1 kỷ phần đối với đất tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang là 59.673.500 đồng);

[3.3] Bà Lê Xuân E được hưởng di sản thừa kế, có giá trị là 59.673.500 đồng;

[3.4] Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S và bà Mai Thị Kham L được hưởng di sản thừa kế, có giá trị là 59.673.500 đồng.

[3.5] Ông Lê Phước C1 được hưởng di sản thừa kế, có giá trị là 110.947.070 đồng (Kỷ phần là căn nhà tại huyện T phần ông C1 nhận 02 kỷ phần và 03 kỷ phần di sản được bà Xuân E, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà X, ông N1 giao lại trị giá 51.273.570 đồng, 01 kỷ phần là giá trị bằng tiền đối với di sản là diện tích đất tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang là 59.673.500 đồng);

[3.6] Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 được hưởng kỷ phần, có giá trị là 59.673.500 đồng.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới là phù hợp theo nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên xem xét chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T, ông C1, bà Xuân E, bà Kham L để sửa Bản án số 48/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Đồng thời, điều chỉnh lại chi phí tố tụng khác và án phí theo quy định.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên bà T, bà N, bà Xuân E, ông C1 thuộc trường hợp cao tuổi, bà Kham L được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Sung quỹ Nhà nước tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông N2 đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 148; Điều 300; khoản 2 và khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Đức N2 đối với Bản án số 48/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị T và là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S; bà Lê Xuân E; bà Mai Thị Kham L và bị đơn ông Lê Phước C1, ông Lê Đức N2 đối với những vật dụng 02 (hai) ly văng, 01 (một) tủ áo, 01 (một) bộ lư đồng, 01 (một) máy Kole, 01 (một) tủ thờ là di sản của cụ Lê Văn X2 và cụ Mai Thị M1 để lại không còn giá trị sử dụng. Thống nhất giao cho ông Lê Phước C1 được tiếp tục quản lý, sử dụng các đương sự không tranh chấp.

Công nhận sự thỏa thuận của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S do bà Lê Thị T là người đại diện, bà Lê Xuân E, bà Mai Thị Kham L, ông Lê Đức N2 thống nhất giao giá trị kỷ phần thừa kế các ông bà được nhận đối với căn nhà tọa lạc tại số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho ông Lê Phước C1 nhận làm nơi thờ cúng ông bà.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T, bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E, bà Mai Thị Kham L, ông Lê Phước C1.

Không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Xuân E, bà Mai Thị Kham L, ông Lê Phước C1 về việc chia đất toạ lạc tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang bằng hiện vật.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2024/DS-ST ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

Căn cứ:

Khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T gồm:

- Yêu cầu ông Lê Phước C1 trả số tiền 21.000.000 (hai mươi mốt triệu) đồng tiền thất thu không làm trên đất tranh chấp.

- Yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của cụ Mai Thị M1 để lại là 100 (một trăm) cây bạch đàn, giá trị mỗi cây là 300.000 đồng/cây, tổng giá trị tài sản là 30.000.000 đồng, yêu cầu được hưởng một kỷ phần tương đương số tiền 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng.

- Yêu cầu chia thừa kế đối với các cây trồng trên đất phần diện tích 6.665,6m^2.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04296/rB, ngày 06/6/2003 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Văn R1.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S, bà Mai Thị Kham L.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với yêu cầu buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền 21.000.000 (*Hai mươi mốt triệu*) đồng.

4. Chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị T. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00426QSDĐ/rB, ngày 24/6/1992 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Hữu N1 đối với diện tích đất 1.205m^2, thửa số 245, 246, tờ bản đồ số 01.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của bà Lê Thị T đối với di sản của cụ Lê Văn X2 và cụ Mai Thị M1:

5.1. Xác định hàng thừa kế của cụ ông Lê Văn X2, chết ngày 03/10/1985 và cụ Mai Thị M1, chết ngày 11/8/2004, gồm: Bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E, bà Lê Thị T, bà Lê Thanh X (bà X chết năm 2008 có những người thừa kế: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S, bà Mai Thị Kham L), ông Lê Phước C1, ông Lê Hữu N1 (ông Lê Hữu N1 chết năm 2006 có những người thuộc hàng thừa kế: gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2)

5.2. Xác định căn nhà có diện tích diện tích 51,5m^2, tọa lạc tại số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, được thể hiện tại các điểm M2, M3, M6, M7 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/10/2023 của Công ty TNHH D, có giá trị 71.783.000 đồng và diện tích đất 6.461,6 m^2 trị giá 358.041.000 đồng (Trong đó: đất Lúa diện tích 2.963,1 m^2 trị giá 148.155.000 đồng và đất CLN diện tích 3.498,1 m^2 trị giá

209.886.000 đồng), tọa lạc ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang tại các điểm 1, 2, 3, 6, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ - Chi nhánh C2 là di sản của cụ Lê Văn X2 và cụ Mai Thị M1 để lại:

5.2.1. Bà Lê Thị T được hưởng di sản thừa kế, có giá trị là 69.928.214 đồng (*Sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười bốn đồng*);

5.2.2. Bà Lê Xuân E được hưởng di sản thừa kế, có giá trị là 59.673.500 đồng (*Năm mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng*);

5.2.3. Bà Lê Thị N được hưởng di sản thừa kế, có giá trị là 69.928.214 đồng (*Sáu mươi chín triệu chín trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười bốn đồng*);

5.2.4. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S và bà Mai Thị Kham L được hưởng di sản thừa kế, có giá trị là 59.673.500 đồng (*Năm mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng*);

5.2.5. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 được hưởng di sản thừa kế, có giá trị là 59.673.500 đồng (*Năm mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng*);

5.2.6. Ông Lê Phước C1 được hưởng di sản thừa kế và kỷ phần đối với căn nhà được bà Lê Thị Xuân E, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 giao lại cho ông C1, có giá trị là 110.947.070 đồng (*Một trăm mười triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi đồng*);

6. Giao cho ông Lê Phước C1 được tiếp tục quản lý, sử dụng 01 (một) căn nhà có diện tích 51,5m^2, có kết cấu khung gỗ và sườn gỗ thao lao nhóm III, mái lợp ngói, đòn tay gỗ nhóm III, vách ván tạp, đố gỗ tạp, sàn gỗ nhóm III, sàn lót ván, trụ đá được thể hiện tại các điểm M2, M3, M6, M7 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/10/2023 của Công ty TNHH D; Căn nhà tọa lạc tại số D, ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, trị giá 71.783.000 đồng. Ông Lê Phước C1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản thừa kế:

6.1. Ông Lê Phước C1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần di sản thừa kế là giá trị căn nhà cho bà Lê Thị N số tiền 10.254.714 đồng (*Mười triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm mười bốn đồng*);

6.2. Ông C1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần di sản thừa kế là giá trị căn nhà cho bà Lê Thị T số tiền 10.254.714 đồng (*Mười triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm mười bốn đồng*).

7. Giao cho bà Lê Thị T được quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 3.429,3m^2 được thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 6, 5, 7, 11, A, 12, 13 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2 và trên diện tích đất có 01 ngôi mộ tại các điểm 26,27,28,29 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày

16/11/2015 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2, trị giá 181.804.000 đồng. Bà Lê Thị T có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế là giá trị đất, cụ thể:

7.1. Bà Lê Thị T có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế cho bà Lê Thị N số tiền 31.370.333 đồng;

7.2. Bà Lê Thị T có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế cho bà Lê Xuân E số tiền 31.370.333 đồng (*Ba mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*);

7.3. Bà Lê Thị T có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S và bà Mai Thị Kham L số tiền 31.370.333 đồng (*Ba mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*);

7.4. Bà Lê Thị T có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế cho ông Lê Phước C1 số tiền 31.370.333 đồng (*Ba mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*);

7.5. Bà Lê Thị T có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 số tiền 31.370.333 đồng (*Ba mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*);

8. Giao cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 3.031,9m^2 có giá trị 167.132.000 đồng được thể hiện tại các điểm 7, 40, 41, 10, 11 và 01 căn nhà có diện tích 57,8m^2 tại các điểm 22,23,24,25, tích đất theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ - Chi nhánh C2, tỉnh An Giang. Những người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế là giá trị đất, cụ thể:

8.1. Những người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế bà Lê Thị T số tiền 28.310.667 đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm mười nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*);

8.2. Những người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế bà Lê Thị N số tiền tiền 28.310.667 đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm mười nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*);

8.3. Những người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế bà Lê Xuân E số tiền 28.310.667 đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm mười nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*);

8.4. Những người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1, gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S và bà Mai Thị K1 La số tiền 28.310.667 đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm mười nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*);

8.5. Những người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1 gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 có nghĩa vụ hoàn giá trị di sản thừa kế cho ông Lê Phước C1 số tiền 28.310.667 đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm mười nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

(Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 16/11/2015 và ngày 30/11/2023 của Văn phòng Đ – Chi nhánh C2 và Sơ đồ đo đạc ngày 11/10/2023 của Công ty TNHH D là một phần đính kèm không tách rời của Bản án).

9. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần thừa kế thì các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định.

10. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng là 13.019.531 đồng nhưng trong đó: bà Lê Thị T đã nộp tạm ứng 12.619.531 đồng, bà Mai Thị Kham L đã nộp tạm ứng 400.000 đồng. Sau khi khấu trừ thì các đương sự phải nộp chi phí tố tụng, cụ thể:

10.1. Bà Lê Thị T đã nộp đủ chi phí tố tụng;

10.2. Ông Lê Phước C1, bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E phải có nghĩa vụ hoàn lại mỗi người 2.169.922 đồng (*Hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm hai mươi hai đồng*) cho bà Lê Thị T.

10.3. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1, gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà

Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 phải có nghĩa vụ hoàn lại 2.169.922 đồng (*Hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm hai mươi hai đồng*) cho bà Lê Thị T.

10.4. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X, gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S, bà Mai Thị Kham L phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lê Thị T số tiền 1.769.922 đồng (*Một triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm hai mươi hai đồng*).

11. Về án phí:

11.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E, bà Lê Thị T, ông Lê Phước C1 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Lê Thị T được nhận lại 1.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 009327 ngày 18/5/2012; Biên lai thu số 002088 ngày 15/02/2011 và Biên lai thu số 037952 ngày 20/10/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Bà Lê Thị N được nhận lại số tiền 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 037953 ngày 20/10/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Bà Lê Xuân E được nhận lại 575.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 002090 ngày 15/02/2011 và Biên lai thu số 037951 ngày 20/10/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X, gồm: Ông Mai Văn C, bà Mai Thị Bích H, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Thảo S và bà Mai Thị Kham L phải nộp tiền án phí đân sự sơ thẩm số tiền 2.983.675 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 575.000 đồng theo Biên lai thu số 002089 ngày 15/02/2011 và Biên lai thu số 037950 ngày 20/10/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Sau khi khấu trừ những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thanh X còn phải nộp tiếp số tiền 2.408.675 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

- Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Hữu N1, gồm: Bà Bùi Thị R, bà Lê Thị Hồng T1, bà Lê Thị Hồng H2, ông Lê Đức N2, bà Lê Thị Kim Y, bà Lê Thị Kim Y1, bà Lê Kim K, bà Lê Hiền T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.983.675 đồng.

11.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Lê Thị N, bà Lê Xuân E, bà Lê Thị T, ông Lê Phước C1 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự theo quy định tại điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Hoàn trả cho bà Mai Thị Kham L số tiền 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0015791 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

- Sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm do ông Lê Đức N2 đã nộp theo biên lai thu số 0013265 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THA-DS huyện Chợ Mới;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

Trịnh Ngọc Thúy